

Bạc Trục Chong Chóng Bôi Trơn Bằng Nước

L2 Marine

Vật liệu L2 Marine độc quyền hiện có của ACM Composite bearings đã được phát triển đặc biệt để đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật cho ứng dụng bạc trục chong chóng bôi trơn bằng nước trên tàu thủy; cung cấp một giải pháp lắp bạc không cần bảo trì...

'Giải pháp lắp và không cần bảo trì'

Bạc nhựa ACM L2 Marine đã được thử nghiệm và chấp thuận cho các ứng dụng bạc trục chong chóng và đã được chứng minh là mang lại hiệu suất vượt trội về độ mài mòn, tuổi thọ kéo dài và độ mòn trục thấp so với các vật liệu bạc trục chân vịt bôi trơn bằng nước khác.

Vật liệu có sẵn dưới dạng bạc đã gia công hoàn thiện hoặc dưới dạng phôi để gia công lần cuối tại nhà máy đóng tàu.

Khả năng chịu lực tốt của bạc nhựa L2 Marine cùng với các tính chất vật lý ưu việt của nó mang lại cho các nhà máy đóng tàu và chủ tàu nhiều lợi thế khi khai thác trong điều kiện khắc nghiệt.

ƯU ĐIỂM KHI SỬ DỤNG VẬT LIỆU ACM

- ▲ Khả năng chịu tải cao
- ▲ Được chấp thuận cho vận hành khô và ướt
- ▲ Độ bám dính - trượt thấp
- ▲ Thời gian giao hàng nhanh (sửa chữa trong 48 h)
- ▲ Độ đàn hồi tốt
- ▲ Có thể lắp lạnh
- ▲ Dễ dàng kiểm tra chấp thuận
- ▲ Độ trương nở thấp
- ▲ Tỷ lệ mài mòn thấp – tuổi thọ cao
- ▲ Không cần bảo dưỡng
- ▲ Độ ổn định kích thước tốt
- ▲ Giá cả cạnh tranh
- ▲ Thân thiện với môi trường



acm COMPOSITE
BEARINGS

ACM Bearings office, No. 8/61 Nguyen Tuong Loan street, Nghia Xa Ward, Le Chan District, Hai Phong, Vietnam

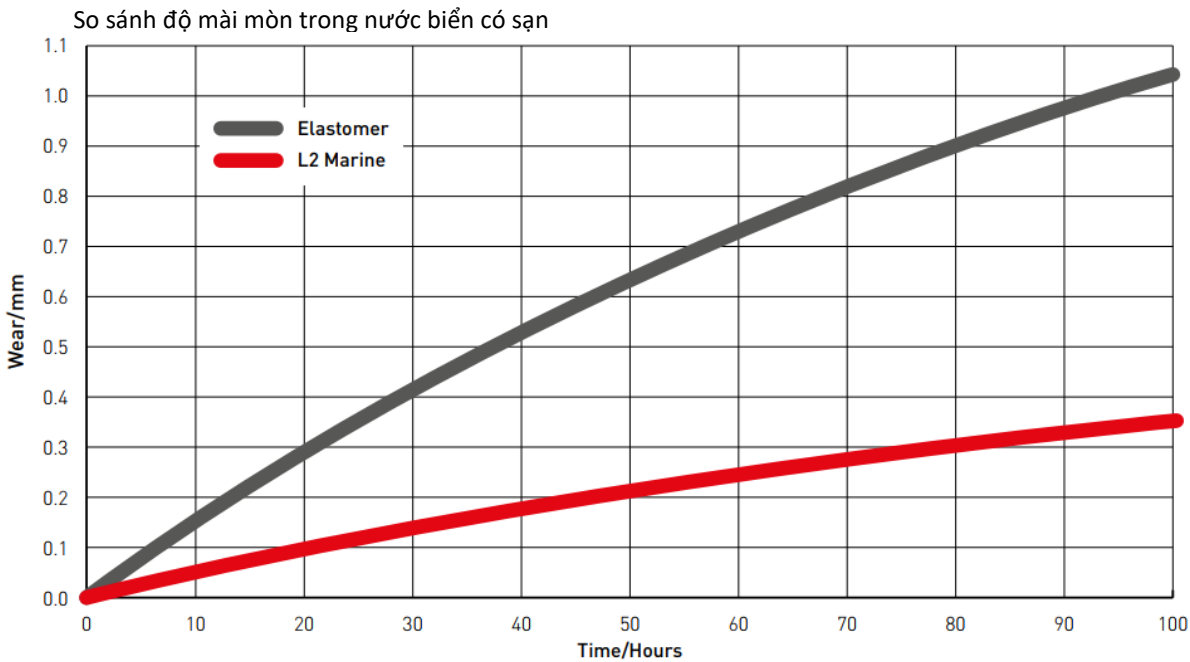
Tel +84 (0) 973 082 586 – Email: sales@acmbearings.vn – Websites: www.acmbearings.vn

No representation is given as to the accuracy of the contents of this publication which are for general guidance only and should not be relied upon. Material characteristics are nominal and are not guaranteed minima. ©ACM Bearings Ltd. All propriety rights reserved.

Thông số kỹ thuật vật liệu / thiết kế

Đặc tính	Đơn vị	L2 Marine
Ứng suất nén (normal)	MPa	375
Modul nén (normal)	MPa	2,750
Ứng suất va đập (normal)	kJ/m ²	100
Tỉ trọng	g/cm ³	1.30
Độ cứng	Rockwell M	100
Hệ số ma sát (dry)	–	0.13
Nhiệt độ làm việc tối đa	°C	130
Nhiệt độ làm việc tối thiểu	°C	-40
Hệ thống giãn nở nhiệt (parallel)	/ °C	5 x 10 ⁻⁵
Hệ số giãn nở nhiệt (normal)	/ °C	10 x 10 ⁻⁵
Sự trương nở trong nước	%	< 0.15

(nominal values)



[Thông số thử nghiệm: Áp suất bạc trục 0,48 MPa, thép không gỉ (EN ISO 316) đường kính trục 50 mm, tốc độ trục 55 vòng / phút, tốc độ dòng nước 7,5 l min-1, các hạt silica có kích thước theo quy định của MoD]